



VỀ CÁI BIỂU ĐẠT VÀ CÁI ĐƯỢC BIỂU ĐẠT CỦA KÍ HIỆU NGÔN NGỮ

Nguyễn Thị Minh*

Khoa Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày Toà soạn nhận được bài: 08-12-2016; ngày phân biện đánh giá bài: 10-02-2017; ngày chấp nhận đăng bài: 15-4-2017

TÓM TẮT

Bài viết tập trung làm rõ bản chất các khái niệm “cái biểu đạt”, “cái được biểu đạt” của kí hiệu ngôn ngữ theo quan niệm của Ferdinand de Saussure trong “Giáo trình ngôn ngữ học đại cương”; từ đó, liên hệ đến một số nguyên tắc chung trong việc nghiên cứu văn học từ góc nhìn kí hiệu học.

Từ khóa: cái biểu đạt, cái được biểu đạt, kí hiệu ngôn ngữ, chất liệu, hình thức.

ABSTRACT

On the Signifier and the Signified of the Linguistic Sign

The paper examines the nature of the signifier and signified concepts of the linguistic sign in “Course in General Linguistics” by Ferdinand de Saussure, which are then related to some general principles in studying literature from a semiotic perspective.

Keywords: the signifier, the signified, linguistic sign, substance, form.

1. Trong cuốn sách *Ferdinand de Saussure*, Jonathan Culler xếp Saussure vào hàng Bậc thầy Hiện đại (a Modern Master)¹. Trong *Những bước ngoặt của tư duy ngôn ngữ học*, Roy Harris và Talbot J. Taylor nhấn mạnh vị trí đặc biệt quan trọng của Saussure như người đánh dấu sự kết thúc của truyền thống tư duy ngôn ngữ xuất phát từ Socrates, mở ra một thời kì hoàn toàn mới². Mặc dù nhiều vấn đề Saussure đặt ra đã, đang tiếp tục được tranh luận, bổ sung, điều chỉnh, song vị trí của ông thì không còn là vấn đề phải bàn cãi. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, nhiều khái niệm do Saussure đặt ra vẫn chưa thực sự được phân tích một cách thấu đáo. Nhiều giáo trình *Dẫn luận ngôn ngữ học* được sử dụng ở một số trường đại học đều có chương riêng dành cho việc nói về “Ngôn ngữ như một hệ thống

* Email: thiennha2013@gmail.com

¹ Cuốn sách nằm trong loạt sách về các Bậc thầy Hiện đại trong đó Frank Kerrmode định nghĩa “*Bằng từ Bậc thầy Hiện đại chúng tôi muốn chỉ những người đã và đang thay đổi cuộc sống và tư tưởng của thời đại chúng ta. Tác giả của những cuốn sách này, bản thân họ cũng là những bậc thầy*”.

² Cùng với triết học Wittgenstein, tâm lí học Sigmund Freud, xã hội học Emile Durkheim, ngôn ngữ học Saussure đã làm thay đổi cách quan niệm về việc nghiên cứu các ngành khoa học nhân văn, người ta thậm chí ví ông với Copernicus và Galileo của thế kỉ XX. Có thể tìm thấy các đánh giá tương tự trong rất nhiều cuốn sách uy tín về ngôn ngữ học trên thế giới.

tín hiệu”³, có nghĩa các tác giả, cũng như nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới, thừa nhận địa vị của người cha đẻ ra ngôn ngữ học hiện đại⁴. Thế nhưng, quá trình gián tiếp hay trực tiếp trích dẫn các luận điểm của Saussure với quá trình diễn giải các luận điểm ấy lại chứa đựng nhiều mâu thuẫn, khi thì họ trích dẫn một cách thiếu phê phán, khi lại nghiêng về xu hướng mà bản thân Saussure đã bác bỏ nhưng không kèm theo giải thích, biện luận. Thực tế trên rất dễ gây bối rối cho người đọc, người học. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi chỉ bàn về hai khái niệm nền tảng cấu thành kí hiệu ngôn ngữ theo tinh thần của Saussure: khái niệm cái biểu đạt và cái được biểu đạt.

2. Trong một số sách *Dẫn luận ngôn ngữ học*, chúng tôi thấy các định nghĩa về kí hiệu đều quá sơ giản, chưa thể hiện được đúng tinh thần của Saussure về ngôn ngữ học nói riêng và kí hiệu học nói chung⁵. Trước hết xin bàn về khái niệm cái biểu đạt.

2.1. Khái niệm cái biểu đạt

Khi định nghĩa *cái biểu đạt* của ngôn ngữ, một số tác giả giáo trình *Dẫn luận ngôn ngữ* ở Việt Nam thường cho cái biểu đạt là “mặt vật chất”, “hình thức âm thanh” hay “hình thức ngữ âm” hoặc “cái vô tiếng”. Kì thực, theo cả Saussure lẫn các nhà kí hiệu học sau ông, cái biểu đạt không chỉ thuần là cái âm vật chất.

Cái biểu đạt không chỉ là cái âm vật chất

Trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Saussure định nghĩa “*Dấu hiệu*⁶ ngôn ngữ kết liền thành một không phải một sự vật với một tên gọi, mà là một khái niệm với một hình ảnh âm thanh” (Ferdinand de Saussure, 2005, tr.138). Ông cũng nhiều lần nhấn mạnh, giải thích “*Hình ảnh này không phải là cái âm vật chất, một vật thuần vật lí, mà là dấu vết tâm*

³ Ở đây các tác giả đều dùng chữ “tín hiệu” cho từ tiếng Pháp “signe” (tiếng Anh “sign”). Khi trích dẫn, chúng tôi giữ nguyên cách dùng của họ, còn khi phân tích, chúng tôi xin phép được dùng từ “kí hiệu” là từ phổ biến, được dùng rộng rãi hiện nay.

⁴ Một số sách trong phần phụ lục còn trích nguyên văn một phần bản dịch “*Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*” của Saussure đã được Cao Xuân Hạo dịch ra tiếng Việt.

⁵ Các định nghĩa cụ thể như sau: - “*Mỗi tín hiệu là cái tổng thể do sự kết hợp giữa cái biểu hiện với cái được biểu hiện mà thành. Cái biểu hiện trong ngôn ngữ là hình thức ngữ âm, còn cái được biểu hiện là khái niệm hay đối tượng biểu thị.*” (Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (1997), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Hà Nội: NXB Giáo dục, trang 56).

- “*Một tín hiệu, như trên đã nói, phải có hai mặt: mặt biểu hiện (mặt vật chất) và mặt được biểu hiện. Trong ngôn ngữ, mặt biểu hiện là hình thức âm thanh (ngữ âm) còn mặt được biểu hiện là khái niệm hay đối tượng biểu thị.*” (Mai Ngọc Chừ (chủ biên) (2008), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Hà Nội: NXB Giáo dục, trang 36).

- “*Cũng như các loại tín hiệu khác, tín hiệu ngôn ngữ có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Cái biểu đạt là các âm thanh mà con người có thể nghe được (con người còn dùng chữ viết là một loại tín hiệu thị giác để thay thế cho ngôn ngữ âm thanh), còn cái được biểu đạt là nội dung nhận thức, tư tưởng tình cảm của con người.*” (Bùi Minh Toán (2008), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm, trang 70).

- “*Tín hiệu có tính hai mặt: mặt biểu đạt (còn gọi là mặt biểu hiện, hình thức) và mặt được biểu đạt (mặt được biểu hiện, nội dung). Mặt biểu đạt là hình thức, thuộc tính vật chất bên ngoài của tín hiệu, ví dụ các màu đỏ, vàng xanh của đèn giao thông; âm thanh của tiếng chuông, trống báo giờ học... (...) Trong ngôn ngữ, các đơn vị của ngôn ngữ được dùng để thực hiện một hoạt động giao tiếp nào đó đều có tính hai mặt của tín hiệu. Cái biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ là âm thanh mà chúng ta nghe được, còn cái được biểu đạt là ý nghĩa, khái niệm về sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất... mà âm thanh đó gọi tên, phản ánh.*” (Đỗ Việt Hùng (chủ biên) (2011), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, trang 32, 33).

⁶ Cao Xuân Hạo dịch chữ “signe” là “dấu hiệu”. Cũng như trên, khi trích dẫn, chúng tôi giữ nguyên từ ngữ của ông, song khi phân tích, chúng tôi sẽ sử dụng từ thông dụng hơn hiện nay là “kí hiệu”.

lí của cái âm đó, là cái biểu tượng mà các giác quan của ta cung cấp cho ta về cái âm đó, nó thuộc cảm quan, và nếu đôi khi ta có gọi nó là “vật chất” thì chỉ với ý nghĩa đó và để đối lập với thành phần kia của sự liên hệ, tức là với khái niệm, thường trừu tượng hơn” (Saussure 2005: 139). Lưu ý là với cái biểu đạt, Saussure dùng chữ “image acoustique” (hình ảnh âm học, âm hình) chứ không phải là âm thanh⁷. Vì nói “âm thanh” là nói đến tính vật chất, có thể được cảm nhận bằng giác quan. Nhưng “hình ảnh âm thanh” thì là vật chất trong sự suy nghĩ, hình dung, tưởng tượng của con người, mang yếu tố tâm lí. Như vậy theo Saussure, cái biểu đạt không phải vật chất hay hình thức ngữ âm thuần vật lí. Nhiều người lên án Saussure là “duy tâm” khi hiểu cái biểu đạt theo cách này. Tuy nhiên, nếu đọc kĩ *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, ta sẽ thấy hai vấn đề: Thứ nhất, Saussure không phủ nhận tính vật chất của kí hiệu⁸. Ông hoàn toàn ý thức được nó, vì nếu không có tính vật chất, kí hiệu không thể làm cho người ta nhận biết hay tạo nên ấn tượng, cảm giác gì trong họ⁹. Khi lấy ví dụ về chuyến tàu và dây phở, ông đồng thời khẳng định “*một dây phở hay một chuyến tàu tốc hành, không thể nào quan niệm được là ở bên ngoài một sự thể hiện vật chất*” (Saussure, 2005, tr.211). Khi nói đến kí hiệu ngôn ngữ như một toàn thể, ông cũng khẳng định tính hiện diện (tích cực) của nó “*Nhưng nếu nói rằng trong ngôn ngữ tất cả đều tiêu cực, thì điều đó chỉ đúng khi xét riêng sở biểu và năng biểu: hễ xét đến toàn bộ dấu hiệu, người ta có một vật tích cực theo kiểu riêng của nó*” (Saussure, 2005, tr.231). Thứ hai, vậy thì điều ông thực sự muốn nhấn mạnh ở đây là sự tham gia của con người vào hệ thống kí hiệu. Một người không hiểu ngoại ngữ, dù có thính giác tốt thì khi nghe người ngoại quốc nói, anh ta có thể nghe rất rõ, nhưng sẽ chỉ cảm thấy đó là các âm liên tiếp, không biết chia tách nó ở những vị trí nào để có được một thông điệp có nghĩa. Cũng như vậy, một người không biết tiếng Việt khi nghe người Việt Nam nói sẽ chỉ nghe được những đoạn âm thanh lên xuống liên tục mà họ liên tưởng đến tiếng chim hót, cái âm ấy không làm họ nhận diện được cái biểu đạt, chưa nói đến chuyện hiểu. Điều này không chỉ đúng với kí hiệu ngôn ngữ mà còn đúng với cả các kí hiệu tượng hình: chẳng hạn các tín hiệu giao thông. Một người không biết luật giao thông khi ra đường dù có nhìn thấy đủ các đèn xanh đỏ vàng hay các biển hiệu cũng không thể nhận ra được nó, không biết đi thế nào cho đúng¹⁰. Khi đó, màu sắc, hình dáng của kí hiệu đối với họ là vô nghĩa dù nó vẫn tác động vào giác quan. Đây là đóng góp đặc biệt to lớn của Saussure khi ông nói trong ngôn

⁷ Saussure ngay từ đầu đã phủ nhận việc cho rằng âm tạo nên ngôn ngữ “*Nhưng hãy cứ cho rằng âm là một vật đơn giản, thì có phải âm làm nên ngôn ngữ không? Không, nó chỉ là công cụ của tư duy và nó không hề tồn tại vì bản thân nó. Ở đây xuất hiện một sự tương ứng khác thật đáng sợ: âm vốn là một đơn vị phức hợp cấu âm – thính giác, đến lượt nó lại cùng với ý niệm làm thành một đơn vị phức hợp, sinh lí và tâm lí*” (Saussure 2005: 42).

⁸ Ông cũng không đồng ý việc coi nó là một cái gì hoàn toàn trừu tượng.

⁹ Saussure giải thích chỗ này: “*Những âm tiết mà người ta phát âm là những ấn tượng thính giác mà tai tiếp thu được, nhưng nếu thiếu các khí quan phát âm thì âm sẽ không có*” (Saussure 2005).

ngữ “*không phải đối tượng có trước quan điểm, mà dường như chính quan điểm tạo ra đối tượng*” (Saussure, 2005, tr.41). Ngôn ngữ học cũng như các khoa học nhân văn cần được phân biệt với khoa học tự nhiên: trong khoa học tự nhiên, đối tượng là cái có sẵn, và người ta chỉ cần vận dụng các quan điểm thích hợp để tìm ra quy luật của nó. Còn ngôn ngữ, vì nó gắn chặt với một cộng đồng người, nhà nghiên cứu không thể bỏ qua cách cảm, cách nghĩ, sự tồn tại của cộng đồng ấy. Cho nên, ngôn ngữ là một hệ thống nhưng là hệ thống gắn liền với một cộng đồng người, hệ thống tồn tại trong đầu óc của một tập thể¹¹. Trước hết, với cái biểu đạt, việc chỉ xem xét và thừa nhận nó trên phương diện vật chất là một cách nhìn hết sức cơ giới, đây là cách nhìn mà Saussure đã bác bỏ ngay từ đầu khi ông trình bày về đối tượng của ngôn ngữ học. Đằng sau đó là một quan niệm triết học “kí hiệu là hình thức, không phải chất liệu¹²”, có nghĩa kí hiệu là cách thức theo đó các cộng đồng người chia cắt, kiến tạo hiện thực, áp đặt cấu trúc tư duy của mình lên khối hỗn mang, mờ đục, liên tục, vô định hình của các thể liên tục âm thanh và tư tưởng¹³. Cùng là thể liên tục âm thanh nhưng mỗi cộng đồng lại có cách chia tách, phân đoạn khác nhau, chúng khác nhau về các phân biệt mang tính quan yếu hay không quan yếu. Người Việt nghe tiếng Việt và biết đến đâu là một từ, nhưng sẽ lúng túng khi nghe một thứ tiếng mà mình không biết, chẳng hạn tiếng Anh, họ sẽ chỉ thấy đó là chuỗi âm thanh liên tục không ranh giới.

Các nhà kí hiệu học, khởi đầu từ Charles Sanders Peirce phân biệt hai khái niệm:

¹⁰ Có thể tìm thấy rất nhiều các ví dụ tương tự về sự hoạt động của kí hiệu trong các lĩnh vực hẹp hơn: tiếng huýt sáo của kẻ cướp ngân hàng, màu đèn của người đàn bà ngoại tình trong Thủy Hử. Như vậy cái làm nên cái biểu đạt của một kí hiệu không phải là đặc tính vật chất của nó, cái biểu đạt là vật chất đã được tổ chức và nhận thức.

¹¹ Saussure còn đẩy vấn đề đến mức cực đoan khi ông cho rằng không có sự tồn tại của cộng đồng nói ngôn ngữ thì không có ngôn ngữ. Nhiều người phê phán ông là “đi âm vi trung”. Sau này, các nhà kí hiệu học trường phái Tartu, đặc biệt là Lotman bác bỏ Saussure, họ cho rằng cái quan trọng nhất không phải là hệ thống mà là văn bản, vì từ văn bản người ta có thể khôi phục được hệ thống, và người học một ngôn ngữ không phải học hệ thống mà học trước hết từ các văn bản riêng lẻ. Tuy nhiên điều này cũng không thể phủ nhận tính đúng đắn của những luận điểm mà Saussure đưa ra, ngược lại càng khẳng định sự vĩ đại của ông trên phương diện: tất cả các nhà nghiên cứu sau ông muốn lập thuyết hay thực hành nghiên cứu, trước hết đều phải xác lập vị trí, chỗ đứng của mình so với Saussure.

¹² Chữ “hình thức” ở Việt Nam thường được hiểu theo nghĩa trong từ điển (“Toàn thể nói chung những gì làm thành mặt bề ngoài của sự vật, cái chứa đựng hoặc biểu hiện nội dung” – Hoàng Phê (chủ biên) (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, trang 442). Tuy nhiên, ở đây chúng tôi dùng chữ “hình thức” (form) có nguồn gốc từ Saussure trong thể phân biệt với khái niệm “chất liệu” (substance). Hình thức theo nghĩa này có thể hiểu là cấu trúc, là cách thức tổ chức chất liệu. Với Saussure, cả âm thanh vật lí lẫn tư tưởng trước khi được ngôn ngữ phân tách đều là chất liệu. Cũng cần phân biệt trong ngôn ngữ học chữ “form” (hình thức) này với một chữ “form” khác thường được dịch là “dạng thức” trong thể đối lập với “biểu thức” (expression). Có thể tham khảo thêm giải thích của John Lyons trong: John Lyons (1968), *Introduction to Theoretical Linguistics*, New York: Cambridge University Press, trang 54-69 và John Lyons (1977), tập 1, *Semantics*, New York: Cambridge University Press, trang 18-23.

¹³ Điều này giải thích tại sao nhiều người học ngoại ngữ không hiệu quả: nếu chỉ nhìn hay nghe từ một vài lần, họ không thể nhớ được nó, không thể sử dụng được nó và khi gặp lại, họ không có ý niệm về nghĩa của từ. Đó là bởi vì kí hiệu đó chưa đủ thấm để in sâu vào đầu óc, chưa phải là “âm hình” trong tâm trí, chưa trở thành một phần tự động trong con người họ. Để hiểu rõ hơn điều này, hãy cùng xem lại ví dụ của Saussure về các quân cờ. Người chơi nhận diện các quân cờ không phải trên phương diện chất liệu vật chất (làm bằng ngà hay bằng gỗ, hình dáng giống con ngựa hay mũi tên...) mà ở sự phân biệt giữa chúng với nhau trong hệ thống: mỗi quân cờ phân biệt với các quân khác. Vì vậy chẳng hạn, khi một quân cờ bị mất hay bị gãy, người ta có thể lựa chọn một vật khác có hình dáng hoặc được làm bằng vật liệu bất kì, rồi quy ước với nhau đó là quân cờ bị khuyết, quân cờ vẫn có thể tiếp tục mà không bị ảnh hưởng gì. Tính chất phân biệt là cái giúp người sử dụng kí hiệu nhận ra được cái biểu đạt.

điển dạng (type) và hiện dạng (token). Theo đó, kí hiệu ngôn ngữ nói riêng, kí hiệu nói chung thuộc về phạm trù khái quát chứ không phải từng hiện dạng cụ thể. Vì vậy cách dạy ngoại ngữ hiệu quả là cách làm cho người học làm quen với càng nhiều hiện dạng của cùng một điển dạng càng tốt, để đến một thời điểm, điển dạng in sâu trong đầu óc người học, giúp họ nhận diện được các hiện dạng khác nhau, ấy là lúc họ làm chủ được ngôn ngữ. Hiện dạng thuộc về lời nói, còn điển dạng mới thuộc về ngôn ngữ. Thứ giúp nhận diện cái biểu đạt không phải là chất liệu vật chất¹⁴. Chẳng hạn trong hệ thống kí hiệu đèn giao thông: đèn xanh báo hiệu đi tiếp, đèn đỏ báo hiệu dừng lại, đèn vàng báo hiệu đi chậm. Nhưng màu của đèn đậm nhạt ở mỗi nơi có thể khác nhau, nếu người đi đường đã hiểu luật, có “hình ảnh” về sự phân biệt ba màu đèn trong đầu, họ vẫn nhận diện được. Hay chẳng hạn do một lí do gì đó mà một trong ba chiếc đèn bị hỏng, chỉ còn hai chiếc đèn kia hoạt động, khi đến giao điểm, chiếc đèn đỏ không sáng lên nhưng người đi đường, căn cứ vào sự hoạt động của hai chiếc đèn còn lại, vẫn sẽ nhận diện được chiếc đèn đỏ đó và vẫn tuân theo tín hiệu chiếc đèn bị hỏng¹⁵.

Tóm lại các tác giả chủ yếu xem xét cái biểu đạt trên phương diện chất liệu, chỉ định nghĩa cái biểu đạt như các hiện dạng. Mà theo Saussure, đó không phải là ngôn ngữ, chúng thuộc địa hạt của lời nói¹⁶. Cho dù sau này không giống như Saussure, người ta thừa nhận hiện dạng cũng là một phần của cái biểu đạt của kí hiệu, song hình thức vật chất trong cái biểu đạt ngôn ngữ chỉ là một mặt, không thể hoàn toàn đồng nhất hình thức vật chất với mặt biểu hiện, hình thức âm thanh với cái biểu đạt của ngôn ngữ.

Không chỉ khái niệm cái biểu đạt, khái niệm cái được biểu đạt cũng bị nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam giản lược hóa, vì thế chưa cho người đọc thấy hết được tinh thần của ngôn ngữ học hiện đại xuất phát từ Saussure.

2.2. Khái niệm cái được biểu đạt

Trở lại với các định nghĩa ở trên, khi nói về cái được biểu đạt, các tác giả có xu hướng đồng nhất nó với đối tượng biểu thị, cho ý nghĩa của ngôn ngữ là để gọi tên hay phản ánh sự vật hiện tượng. Có tác giả giải thích “*Để trả lời câu hỏi này, chúng ta thử phân tích một trường hợp cụ thể về từ cây trong tiếng Việt. Trong trường hợp này, ta có*

¹⁴ Nói đến “chất liệu” (substance) không chỉ là nói đến vật chất (Có những “chất liệu” không “vật chất” tí nào, chẳng hạn như chất liệu của nội dung) song chất liệu của biểu hiện thì chắc chắn là vật chất.

¹⁵ Đây cũng là trường hợp tương tự, chẳng hạn khi một người nói hay viết sai chính tả, hay viết lấu đến nỗi không nhìn ra, hoặc “nói ngọng” thì nhờ vào mối quan hệ với các chữ cái đi kèm trong từ hoặc các từ đi cùng nó, người sử dụng ngôn ngữ vẫn nhận diện ra được đó là từ ấy, chữ ấy.

¹⁶ Cũng trên tinh thần xem xét kí hiệu ở phương diện chất liệu, các tác giả giáo trình *Dẫn luận ngôn ngữ học* đều nhấn mạnh một cách thiếu phê phán bản chất tuyến tính của cái biểu đạt, căn cứ vào nguyên lí thứ hai Saussure trình bày trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*: Nguyên lí “*Tuyến tính của năng biểu*”. Đây là mâu thuẫn của Saussure với tư cách một người mở đường đã bị rất nhiều nhà khoa học sau ông chỉ ra và phê phán. Jakobson đã dành cả sáu bài giảng về âm thanh và ý nghĩa của ông để bác bỏ nguyên lí này của Saussure. Ở Việt Nam, người tiêu biểu cho xu hướng tương tự là giáo sư Cao Xuân Hạo. (Chi tiết xin xem: Cao Xuân Hạo (2006), *Âm vị học và tuyến tính*, TPHCM: NXB Khoa học xã hội; Cao Xuân Hạo (2007), *Tiếng Việt: mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Hà Nội: NXB Giáo dục.

một từ ngữ âm [cây], những cái cây cụ thể được gọi tên bằng từ đó và sự phản ánh của những cái cây ấy trong ý thức, gọi là ý hay ý niệm về cây” (Nguyễn Thiện Giáp, 1997, 76), và sau đó định nghĩa “Trong mối quan hệ với từ ngữ âm – là cái biểu hiện, cái sở chỉ và cái sở biểu làm thành cái được biểu hiện của từ. Không nên lầm lẫn cái được biểu hiện với nghĩa của đơn vị ngôn ngữ. Nghĩa của từ (cũng như của các đơn vị ngôn ngữ khác) là quan hệ của từ với cái gì đó nằm ngoài bản thân nó” (Nguyễn Thiện Giáp, 1997, 78). Ở đây tác giả đã nhầm lẫn: cái mà ông gọi là nghĩa (quan hệ của từ với cái nằm ngoài bản thân nó) thực ra là sở chỉ (reference); còn cái cây thực, ông gọi là cái sở chỉ (referent), bản thân nó không làm thành cái được biểu hiện của từ. Khái niệm mà các nhà ngôn ngữ học gọi là nghĩa sở biểu (connotation) mới đúng là thành phần quan trọng trong cái được biểu đạt của từ, song nghĩa sở biểu này lại không phải là “sự phản ánh của những cái cây trong ý thức” như ông nhận định. Một tác giả khác lại giải thích: “Có thể lấy từ - đơn vị trung tâm của ngôn ngữ làm ví dụ. Trước hết âm thanh (bàn) là mặt biểu đạt cho nội dung ý nghĩa (như trên¹⁷), tiếp theo cả tổ hợp âm thanh và ý nghĩa đó với tư cách là từ lại được dùng làm tên gọi cho sự vật, hiện tượng, hoạt động, tính chất... có trong thực tế khách quan (những cái bàn cụ thể, bàn với tư cách là loại phân biệt với ghế, giường, tủ...)” (Đỗ Việt Hùng, 2011, 33). Ở đây cái mà tác giả gọi là “nội dung ý nghĩa” chỉ là nghĩa sở thị (denotation), một thành phần làm nên nghĩa biểu hiện của từ, còn “bàn với tư cách là loại phân biệt với ghế, giường, tủ...” theo các nhà kí hiệu học vốn không hoàn toàn có sẵn trong thực tại khách quan mà do chính con người, bằng ngôn ngữ đã phạm trù hóa nó, và nội dung tinh thần ấy ở trong đầu óc của một cộng đồng làm nên thành phần nghĩa sở biểu (connotation) của từ¹⁸.

Thực ra thì, theo cả Saussure lẫn các nhà kí hiệu học sau ông, từ không phải là vật, và ngôn ngữ không phải là một bảng tên gọi.

Từ không phải là vật, ngôn ngữ không phải là một bảng tên gọi

Thực ra quan điểm xem ý nghĩa của kí hiệu ngôn ngữ là để gọi tên các sự vật đã có một truyền thống lâu dài trong tôn giáo và triết học phương Tây. Trong cuốn *Ngôn ngữ, Saussure và Wittgenstein*, Roy Harris có nhắc đến điều này¹⁹. Tuy nhiên, sự đoạn tuyệt của

¹⁷ “như trên” là như sau: “Mặt được biểu đạt (nội dung ý nghĩa (của từ “bàn”): đồ dùng có mặt phẳng được kê cao hơn mặt nền bằng chân, thường làm bằng gỗ hoặc bằng sắt để đặt đồ ăn hoặc làm việc” (Đỗ Việt Hùng 2011: 33).

¹⁸ Tham khảo thêm cuốn sách ngắn gọn nhưng hữu ích của các tác giả Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng (2007), *Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học*, TPHCM: NXB Đại học Sư phạm, phần “Ngữ nghĩa học” do Hoàng Dũng viết, trang 123-158.

¹⁹ Chương 2 của *Sáng Thế Kí* có đoạn kể về việc Chúa tạo ra các loài chim, thú và đem chúng đến cho Adam. Adam đặt tên cho các loài vật này, từ đó chúng được gọi tên như vậy. Do đó, ngôn ngữ là món quà thiêng liêng được thần thánh ban cho, và con đường đến với sự thông thái là tìm hiểu bản chất của món quà ấy, không lạm dụng nó. Phương Tây thời đại Ánh sáng phổ biến quan niệm về “Adamic language” (ngôn ngữ của Adam hay ngôn ngữ thần thánh) là ngôn ngữ Adam dùng gọi tên các vật, phản ánh bản chất thực sự của chúng, vì thế có người cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của ngôn ngữ học là phải tìm lại thứ tri thức đã bị thất lạc ấy. Trong *Cratylus*, người sáng tạo ra ngôn ngữ được gọi là “người đặt tên” (the name-maker). Cratylus, người bảo vệ quan điểm “đanh pháp tự nhiên” (natural nomenclaturism) cho rằng vạn vật đều có tên, cái tên ấy không phải được đặt ra theo quy ước, mà có tính đúng

Saussure với truyền thống để đặt ngôn ngữ học trên một nền tảng lí thuyết vững chắc, sự vĩ đại của ông là ở chỗ ông đã phủ nhận quan điểm trên. Saussure phản đối quan niệm coi ngôn ngữ là một bảng tên gọi, theo đó người ta hình dung ngôn ngữ chỉ như một bảng danh mục chia ra hai cột: một cột là bức tranh các vật còn cột bên kia là tên của chúng. Ông cho rằng đây là một cách ứng xử với ngôn ngữ hết sức thô thiển. Lập luận của ông tập trung vào hai điểm:

Thứ nhất, nếu xem ngôn ngữ là bảng danh mục gọi tên các vật thật có nghĩa là giả định rằng đã có sẵn một thế giới như vậy tồn tại trước, được phân loại, có ranh giới và ta chỉ việc dán lên chúng những cái nhãn tên gọi. Tuy nhiên, theo Saussure, trên thực tế không làm gì có một thế giới như vậy. Trước khi có ngôn ngữ, thế giới là một thể liên tục, vô trật tự, không có ranh giới. Chính bằng ngôn ngữ mà chúng ta phân đoạn thực tại, phạm trù hóa nó. Trước khi người ta gọi các phần của một ngọn núi là “chân núi”, “sườn núi”, “đỉnh núi”, nó vốn là một thể liên tục. Trước khi người ta chia ra thượng nguồn, hạ nguồn, dòng sông cũng là một thể liên tục²⁰. Theo nghĩa này, ngôn ngữ kiến tạo nên thế giới chứ không phải là tấm gương phản ánh thế giới²¹. Nếu ngôn ngữ chỉ là phép đặt tên thì việc học ngoại ngữ đã vô cùng đơn giản, người ta chỉ cần thuộc lòng các tương ứng một – một giữa vật này với từ kia trong tất cả các ngôn ngữ. Nhưng ai cũng biết là thực tế không phải như vậy.

Thứ hai, nếu xem ngôn ngữ là bảng danh mục gọi tên các ý niệm thì cũng có nghĩa giả định có những thế giới ý niệm có trước, rồi người ta tìm từ để gắn vào cho chúng. Về điểm này, cũng theo Saussure, trước khi có ngôn ngữ, tư tưởng cũng chỉ là một khối mờ đục vô định hình.²² Nếu quả thực các ý tưởng là có trước thì sẽ có sự tương ứng giữa một

đắn cố hữu gắn với nó một cách tự nhiên. Trái ngược với Cratylus, Hermogenes cho rằng những cái tên chỉ là những nhãn dán bằng lời phục vụ cho sự tiện lợi, không có tên nào tốt hay xấu hơn tên nào. Cho dù đây là cuộc tranh luận giữa lí thuyết về những cái tên thuộc bản chất hay những cái tên vô đoán thì tác phẩm triết học này cũng cùng quan niệm với văn bản tôn giáo: ngôn ngữ là để gọi tên vật, và vật tồn tại độc lập với tên được gán cho chúng.

²⁰ John Lyons không đồng tình với luận điểm này của Saussure, ông thấy rằng quan điểm của Saussure cho hiện thực là sự liên mạch bất biến trong tri giác là một sự cường điệu, thực tế thì nó không hẳn là một thể liên tục đồng nhất, không có sự phân đoạn. Quan sát của các nhà tâm lí học Gestalt có thể phần nào minh chứng cho quan điểm của Lyons: xu hướng chung của con người là tách một hình (figure) nổi bật khỏi cái mà người quan sát loại bỏ vào nền (ground). Tuy nhiên, các quan điểm đó không chứng minh được rằng cấu trúc của từ vựng phản ánh cấu trúc của thế giới bên ngoài, bởi vậy không bác bỏ được luận điểm của Saussure về việc bằng ngôn ngữ, con người phạm trù hóa hiện thực.

²¹ Bằng chứng là mỗi dân tộc, mỗi nền văn hóa lại có cách phạm trù hóa, phân loại hiện thực khác nhau: cùng một vật mà ngôn ngữ này xếp nó vào phạm trù này, ngôn ngữ khác lại xếp vào phạm trù khác. Cùng một tư thế giơ tay nhưng ở dân tộc này thì là biểu hiện thân thiện, hướng ứng hành động của người đối thoại, nhưng đến dân tộc khác thì lại mang ý xúc phạm, tục tĩu...

²² Saussure minh họa điều này bằng một hình ảnh: